MẶT BÍCH CỔ THÉP A105 ANSI

MÃ SẢN PHẨM	SP - 52
TÊN SẢN PHẨM	MẶT BÍCH HÀN CỔ THÉP ĐÚC ASTM A105 ANSI B16.5 CLASS 300LB
Loại Bích	Bích rổng cao cổ / hàn cổ Welding Neck (WN RF)
Chất Liệu	Thép đúc áp lực-Forged Carbon Steel ASTM A105 - SA 105 N
Tiêu Chuẩn	ASME / ANSI B 16.5
Áp Lực	Class 300 Lbs ~ Class 600 Lbs ~ Class 900 Lbs
Độ Dày	STD ~ Sch 40s ~ Sch 80s ~ Sch 160s ~ Sch XXs
Kích Cỡ	DN 15A → DN 600A ~ (1/2"inch → 24"inch) ~ (21.3 mm → 609.6 mm)
Sử Dụng	Xăng, dầu, khí, gas, hơi nóng, khí nén, nước, nước thải,...
Sản Phẩm	Phủ sơn chống gỉ, vàng trong, sơn đen, mạ kẽm & nhúng nóng

Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Xuất Xứ	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam

10BAR DIN 2576 SLIP-ONFLANGES
DIN 2527 BLIND FLANGES
DIN 2632 WELDING NECK FLANGES

WELDING NECK

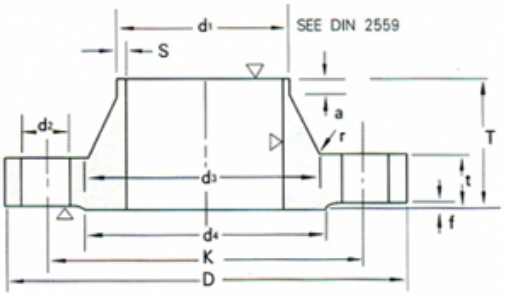

SLIP-ON

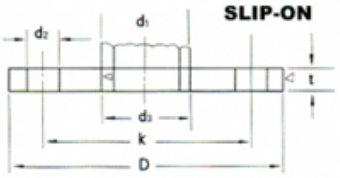

BLIND

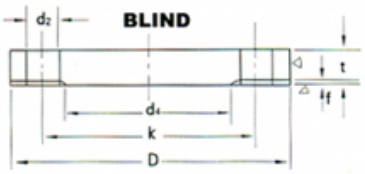

Unit:mm

Bore		Common Dimension						Hub				Raised Face		Drilling				Approx. Weight (kg)	
Nominal Bore	d_1	D	t Welding Neck	t slip-on	t Blind	K	T	d_3	s	r	a ≈	d_4	f	Number of Bolt	Dia. of Bolt		d_7	DIN 2576	DIN 2632
10	14 17.2•)	90	14	14	14	60	35	25 28	1.8	4	6	40	2	4	M12	(1/2")	14	0.613	0.580
15	20 21.3•)	95	14	14	14	65	35	30 32	2.0	4	6	45	2	4	M12	(1/2")	14	0.675	0.648
20	25 26.9•)	105	16	16	16	75	38	38 40	2.3	4	6	58	2	4	M12	(1/2")	14	0.947	0.952
25	30 33.7•)	115	16	16	16	85	38	42 45	2.6	4	6	68	2	4	M12	(1/2")	14	1.14	1.14
32	38 42.4•)	140	16	16	16	100	40	52 56	2.6	6	6	78	2	4	M16	(5/8")	18	1.66	1.69
40	44.5 48.3•)	150	16	16	16	110	42	60 64	2.6	6	7	88	3	4	M16	(5/8")	18	1.89	1.86
50	57 60.3•)	165	18	18	18	125	45	72 75	2.9	6	8	102	3	4	M16	(5/8")	18	2.51	2.53
65	76.1•)	185	18	18	18	145	45	90	2.9	6	10	122	3	4	M16	(5/8")	18	3.00	3.06
80	88.9•)	200	20	20	20	160	50	105	3.2	8	10	138	3	4	M16	(5/8")	18	3.79	3.70
100	108 114.3•)	220	20	20	20	180	52	125 131	3.6	8	12	158	3	8	M16	(5/8")	18	4.20	4.62
125	133 139.7•)	250	22	22	22	210	55	150 156	4.0	8	12	188	3	8	M16	(5/8")	18	5.71	6.30
150	159 168.3•)	285	22	22	22	240	55	175 184	4.5	10	12	212	3	8	M20	(3/4")	23	6.72	7.75
200	216 219.1•)	340	24	24	24	295	62	232 235	5.9	10	16	268	3	8	M20	(3/4")	23	9.50	11.3
250	267 273•)	395	26	26	26	350	68	285 292	6.3	12	16	320	3	12	M20	(3/4")	23	12.5	14.7
300	318 323.9•)	445	26	26	28	400	68	335 344	7.1	12	16	370	4	12	M20	(3/4")	23	14.4	17.6
350	355.6•) 368	505	26	28	30	460	68	385	7.1	12	16	430	4	16	M20	(3/4")	23	20.6	23.6
400	406.4•) 419	565	26	32	32	515	72	440	7.1	12	16	482	4	16	M24	(7/8")	27	27.9	28.6
500	508•) 521	670	28	38	34	620	75	542	7.1	12	16	585	4	20	M24	(7/8")	27	41.1	38.1
600	609.6•) 622	780	28			725	80	642	7.1	12	18	685	5	20	M27	(1")	30		
700	711.2•) 720	895	30			840	80	745	8.0	12	18	800	5	24	M27	(1")	30		
800	812.8•) 820	1015	32			950	90	850	8.0	12	18	905	5	24	M30	($1_{1/8}$")	33		
900	914.4•) 920	1115	34			1050	95	950	10.0	12	20	1005	5	28	M30	($1_{1/8}$")	33		
1000	1016•) 1020	1230	34			1160	95	1052	10.0	16	20	1110	5	28	M33	($1_{1/4}$")	36		

Sản phẩm khác

RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105

CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304

MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS